TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T HÓA** **TỈNH T HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

TÒA ÁN NHÂ DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị N

2. Ông Đỗ Khắc K

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T Hóa, tỉnh T Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXX ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - Sinh năm 1980.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn N - Sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: SN 21 Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N tổ chức cưới theo phong tục tập quán trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết kết hôn với nhau năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh N tại SN 21 Đ, phường N, thành phố Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, anh N hay uống rượu bia rồi chửi bới, xúc phạm chị. Hơn nữa, chị và anh N không có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Năm 2020, chị cũng đã bỏ về nhà mẹ đẻ, nhưng anh N đã xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng khi về chung

sống, anh N vẫn không thay đổi, vẫn uống rượu bia rồi chửi bới, xúc phạm chị. Kể từ tháng 4/2024 tôi đã về mẹ đẻ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề N Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Anh thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh thỉnh thoảng có uống rượu bia và chửi bới, xúc phạm chị T. Nhưng sự thật anh rất yêu thương vợ. Vợ anh rất hiền lành, mọi người trong gia đình anh cũng rất yêu quý chị T. Anh thật sự hối hận và biết lỗi, anh xin lỗi chị T và mong chị T suy nghĩ lại để tôi có cơ hội sửa chữa. Nên chị T làm đơn xin ly hôn. Tôi không đồng ý vì tôi còn rất yêu thương chị T. Tôi đề N Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Anh Lê Văn N và chị Lê Thị T kết hôn với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T Hóa, tỉnh T Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N hay uống rượu rồi chửi bới chị T. Hiện nay chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng anh chị sống ly thân. Về con chung: Anh N, chị T không có con chung. Về tài sản công nợ của anh chị địa phương không nắm được. Đề N Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện: đề N HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện đề N Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn N có địa chỉ tại thành phố T Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố T Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Lê Văn N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T thấy rằng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh N thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có uống rượu rồi chửi bới chị T làm cho không khí gia đình rơi vào tình trạng mệt mỏi, nặng nề. Nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T vẫn còn và không đồng ý ly hôn. Thực tế cho thấy, hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, có trách nhiệm và chung sống hòa thuận với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị T, anh N, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: vợ chồng chị T, anh N kết hôn đã lâu nhưng không có con, anh N không có công việc ổn định, hay uống rượu bia và chửi bới chị T. Bản thân anh N và chị T đã từng sống ly thân không đồng ý ly hôn và đã xin lỗi chị T nhưng chị T cương quyết ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân của chị T anh N không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh N.

[3] *Về con chung*: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A N Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn N.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001413 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Q

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Loan Nguyễn Ngọc Tuyên Trương Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Huệ Phạm Văn Hào

Nguyễn Thị Thưởng